

THEO THÔNG LỆ, CỨ MỖI LẦN TIỀN ĐƯA NĂM CŨ VÀ CHÀO ĐÓN NĂM MỚI, CHÚNG TA ĐIỂM LẠI TRONG NĂM QUA VIỆT NAM ĐÃ CÓ BAO NHIÊU ẮN PHẨM KHOA HỌC TRÊN CÁC TẬP SAN KHOA HỌC QUỐC TẾ. CON SỐ NĂM 2009 LÀ XẤP XỈ 1100, TĂNG KHOẢNG 10% SO VỚI NĂM NGOÁI VÀ 2,2 LẦN SO VỚI NĂM 2004. NHƯ VẬY SỐ BÀI BÁO KHOA HỌC CỦA VIỆT NAM LẦN ĐẦU TIÊN VƯỢT CON SỐ 1000 BÀI. ĐÓ LÀ MỘT TIN MỪNG.



NĂNG SUẤT KHOA HỌC QUÁ THẤP

Nhưng chúng ta tăng thì các nước láng giềng cũng tăng. Số bài báo khoa học của chúng ta hiện nay bằng 1/3 của Thái Lan (năm 2004, ta chỉ bằng 1/4 Thái Lan), 1/5 của Singapore (năm 2004 của Việt Nam bằng 1/10). Các con số này cho thấy tỉ lệ tăng trưởng của chúng ta nhanh hơn Thái Lan và Singapore, và chúng ta đang dần rút ngắn khoảng cách với các nước này. Tuy nhiên, khoảng cách vẫn còn khá lớn, và theo ước tính của tôi thì chúng ta cần đến 10 năm nữa mới có thể vượt qua Thái Lan. Còn Singapore thì tạm thời chúng ta chưa đặt mục tiêu vượt qua họ.

Ngành y sinh học vẫn là ngành chủ đạo, đóng góp nhiều bài báo khoa học cho Việt Nam nhất. Khoảng 1/5 những bài báo khoa học trên các tập san quốc tế là thuộc về lĩnh vực y học, sinh học và công nghệ sinh học. Ngành toán và vật lý, mỗi ngành chỉ chiếm khoảng 7-8% tổng số bài báo khoa học từ Việt Nam. Tuy nhiên, đại đa số những bài báo về y sinh học của Việt Nam là do hợp tác với đồng nghiệp ngoại quốc, còn con số “nội lực” (tức hoàn toàn do VN

đứng tên tác giả) chỉ chiếm 2% tổng số.

Các lĩnh vực nghiên cứu “mạnh” của Thái Lan tập trung vào các ngành khoa học ứng dụng và y sinh học. Các lĩnh vực “top 10” của Thái Lan là: công nghệ thực phẩm, công nghệ sinh học, sinh học phân tử, khoa học vật liệu, vi sinh học, khoa học môi trường, bệnh truyền nhiễm, polymer, và hóa học. Còn “top” của Việt Nam là y sinh học, vật lý, toán học, và khoa học môi trường. Nói cách khác, hoạt động khoa học Thái Lan nghiêng về lĩnh vực ứng dụng, còn Việt Nam nghiêng về khoa học cơ bản (toán và vật lý).

Về chất lượng, đại đa số các bài báo khoa học Việt Nam được công bố trên những tập san có *impact factor* rất thấp. Chẳng hạn như trong ngành y sinh học (một lĩnh vực tương đối mạnh của nước ta), phần lớn các bài báo đều công bố trên tập san có chỉ số IF dưới 3 như American Journal of Tropical Medicine and Hygiene (IF=2,5), Journal of Clinical Microbiology (IF=3,5), Tropical Medicine & International Health (IF=2,6), International Journal of Tuberculosis and Lung Disease (IF=2), Chemical and Phar-

maceutical Bulletin (IF=1.3). Ngay cả các ngành như toán và vật lý, phần lớn bài báo từ Việt Nam cũng chỉ công bố trên các tập san có chỉ số IF thấp (dưới 1).

Quay lại con số ấn phẩm khoa học: chúng ta cần đặt con số vào số lượng giáo sư và phó giáo sư. Tính từ năm 1980 đến nay, Việt Nam đã công nhận 8398 GS và PGS (con số chính xác là 1336 GS và 7062 PGS). Như vậy, số bài báo khoa học trên mỗi GS và PGS chỉ khoảng 0.13, hay nói cách khác, phải cần đến gần 8 GS/PGS mới cho ra một bài báo khoa học. Như vậy, có thể nói rằng năng suất khoa học của chúng ta quá thấp.

Có lẽ, đã đến lúc chúng ta ra chỉ tiêu cho mỗi GS hay PGS phải công bố bài báo khoa học trên các tập san quốc tế. Nếu trong vòng 2 năm mà họ không có bài báo khoa học nào trên các tập san quốc tế thì có biện pháp chế tài mạnh nào đó đối với họ, chẳng hạn như sẽ bị miễn nhiệm. Tôi tin rằng với quy định này, chúng ta không cần đến 10 năm mới đuổi kịp Thái Lan, mà có thể vượt qua Singapore một cách dễ dàng ngay từ bây giờ.

GS. Nguyễn Văn Tuấn